

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m<sup>3</sup>/ngày/ Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp nước sạch Việt Trì.  
Mẫu 2: Bà Vân – Dữu Lâu - XNNS Việt Trì.  
Mẫu 3: Bà Phương – Vân Cơ - XNNS Việt Trì.  
Mẫu 4: Ông Kiên – Thanh Miếu - XNNS Việt Trì.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
							(đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,52	0,30	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,24	0,23	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	5,00	4,80	5,15	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,60	7,62	7,62	7,63	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

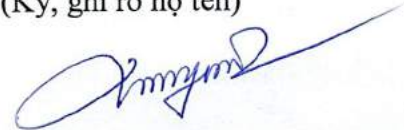
**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Việt Trì, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Đoàn Hùng.
- Địa chỉ: Xã Phú Lâm – Huyện Đoàn Hùng - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ/ Tổng số HGD được cung cấp nước: 2.079 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Chảy.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 5 năm 2024.
- Người kiểm tra: Phí Thị Thu Hà.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Đoàn Hùng

Mẫu 2: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương – Chí Đám – XNCN Đoàn Hùng

Mẫu 3: Ông Hào –Tây Cốc - XNCN Đoàn Hùng.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,40	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,24	0,27	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,90	5,02	5,20	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,52	7,56	7,55	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Đoan Hùng, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phí Thị Thu Hà.

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.
- Địa chỉ: Khu 1- Thị trấn Hạ Hòa – Huyện Hạ Hòa - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 1.454 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Ngọc Hùng.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa tại xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.

Mẫu 2: Ông Ngô Hải Phong - Khu 7 – TT Hạ Hòa - XNCN Hạ Hòa.

Mẫu 3: Ông Nguyễn Quang Định – Khu 8 - TT Hạ Hòa- XNCN Hạ Hòa.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,62	0,40	0,35	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,26	0,27	0,28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,66	5,70	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,60	7,68	7,62	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.  
Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Hạ Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ngọc Hùng

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
- Địa chỉ: Khu 1 – Xã Tề Lễ – Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 542 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Đức Quân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Tề Lễ.

Mẫu 2: Ông Sơn – Khu 2 – Tề Lễ - XNCN Tề Lễ.

Mẫu 3: Ông Lý – Khu 3 – Quang Húc - XNCN Tề Lễ.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,35	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,32	0,40	0,44	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,96	5,98	6,00	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,70	7,78	7,75	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Tam Nông, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Đức Quân



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
- Địa chỉ: Khu 10 - Thị Trấn Phong Châu – Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGD được cung cấp nước: 15.758 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 5 năm 2024.
- Người kiểm tra: Hà Thị Mai
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.

Mẫu 2: Ông Lê Văn Phượng – Khu 6 – xã Bình Bộ - XNCN Phù Ninh.

Mẫu 3: Ông Giang – Khu Bãi Thơi –TT Phong Châu – XNCN Phù Ninh.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,64	0,25	0,35	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,28	0,28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	5,00	5,00	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,20	7,28	7,22	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phù Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Mai*

Hà Thị Mai

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
- Địa chỉ: Phố Hạ Sơn- Thị Trấn Thanh Sơn – Huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 4.099 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Suối Dòng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Trần Minh Đông.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn.

Mẫu 2: Bà Chung Huân –Phố Tân Thịnh - XNCN Thanh Sơn.

Mẫu 3: Bà Sáu Đức – Phố Khánh - XNCN Thanh Sơn.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,57	0,44	0,38	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,28	0,32	0,35	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,80	5,88	5,92	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,30	7,35	7,36	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Sơn, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



*Trần Minh Đông*

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn.
- Địa chỉ: Khu 4 – xã Tân Phú – huyện Tân Sơn - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 4.500 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 4.575 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Hoàng Thị Thanh Xuân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

**Mẫu 1:** Bể chứa XNCN Tân Sơn.

**Mẫu 2:** Bể xe Tân Sơn – XNCN Tân Sơn.

**Mẫu 3:** Ông Tài – Minh Đài - XNCN Tân Sơn

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
						(đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,32	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,25	0,28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,40	5,58	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,68	7,68	7,70	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Tân Sơn, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Thanh Xuân

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ - Cty CP cấp nước Phú Thọ
- Địa chỉ: Phố Cao Du - Phường Âu Cơ - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ
- Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 18.719 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông hồng
- Thời gian kiểm tra: Ngày 15 tháng 05 năm 2024
- Người kiểm tra: Nguyễn Đức Thắng
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa nước sạch - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ

Mẫu 2: Bà Minh – Khu 3 - Thanh Minh – XNCN Phú Thọ

Mẫu 3: Ông Mai – Thanh Vinh – XNCN Phú Thọ.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3	Clo dư tự do (**) (mg/l)	0,65	0,35	0,38	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4	Độ đục (NTU)	0,25	0,26	0,25	2	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	5,50	5,90	5,62	15	Đạt
6	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7	PH	7,70	7,72	7,70	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt tiêu chuẩn, theo quy chuẩn QCVN 01 – 1/2018/BYT và thông tư 41/2018/TT-BYT.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phú Thọ, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Đức Thắng*



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa
- Địa chỉ: Khu 1 - Đồng Trung - Thanh Thủy - Phú Thọ
- Công suất thiết kế: 7200 m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 9.630 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Đà
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024
- Người kiểm tra: Lê Thị Minh Thoan.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa.

Mẫu 2: Bà Thao – khu 9 –Tu Vũ - XNCN Trung Nghĩa.

Mẫu 3: Ông Tiến– Khu 7 – Trung Nghĩa - XNCN Trung Nghĩa.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng nước

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,58	0,45	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,21	0,26	0,27	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	4,85	4,96	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,52	7,57	7,53	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuẩn Bộ Y Tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ Y tế.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có) :** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Đồng Trung, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**



Lê Thị Minh Thoan.

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



## BÁO CÁO

### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Yên Lập.
- Địa chỉ: Thôn Móc Thiều- Xã Thượng Long- Huyện Yên Lập- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 1.301 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Hồ Ly.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyết Nhung.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Yên Lập.

Mẫu 2: Bà Thoa – Tân An- Thị trấn Yên Lập - XNCN Yên Lập.

Mẫu 3: Ông Trà – Khu Bến Sơn - XNCN Yên Lập.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	<b>Các thông số</b>					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,20	0,20	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,30	0,32	0,35	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,90	5,95	6,00	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,30	7,35	7,38	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
  - Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Yên Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

**MẪU SỐ 05**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.
- Địa chỉ: Khu Đông Viên – Thị trấn Cẩm Khê - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGD được cung cấp nước: 12.909 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Thị Hoa Mai.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.

Mẫu 2: Nguyễn Văn Vững –Khu Cầu Tiến - XNCN Cẩm Khê.

Mẫu 3: Nguyễn Tiến Hòa – Khu Trù Dương - XNCN Cẩm Khê.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	Mã số mẫu, lấy mẫu			Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,50	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,24	0,27	0,31	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,60	5,80	5,90	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,80	7,90	7,80	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
  - Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Cẩm Khê, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



*Lê Thị Hoa Mai*

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Thủy.
- Địa chỉ: Khu 1- xã Xuân Lộc – huyện Thanh Thủy - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 16.000 m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 11.267 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Đà.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Thị Hạnh.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

**Mẫu 1:** Bể chứa XNCN Thanh Thủy.

**Mẫu 2:** Bà Trần Thị Tâm Thư - khu 7 –TT Hưng Hóa - XNCN Thanh Thủy.

**Mẫu 3:** Công ty Takao Cranite Tam Nông - XNCN Thanh Thủy.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH		
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,60	0,35	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,20	0,23	0,20	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,50	4,70	4,50	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,40	7,42	7,40	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Thủy, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Lê Thị Hạnh*



**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba
- Địa chỉ: Khu 11- Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 6000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 9.508 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 05 năm 2024
- Người kiểm tra: Nguyễn Ánh Phương
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa Trạm Phương Lĩnh – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 2: Trường THCS thị trấn Thanh Ba – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 3: Ông Anh – TT Thanh Ba - XNCN Thanh Ba.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,50	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,23	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,00	5,10	5,25	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,65	7,65	7,68	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
  - Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:  
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Ba, ngày 15 tháng 05 năm 2024*

**NGƯỜI KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ánh Phương